

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ( giữa niên độ dạng đầy đủ )

Quý 3 năm 2012

| CHỈ TIÊU                                                     | MÃ SỐ | Thuyết minh | Quý 3           |                 | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này |                 |
|--------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|------------------------------------|-----------------|
|                                                              |       |             | Năm nay         | Năm trước       | Năm nay                            | Năm trước       |
| 1                                                            | 2     | 3           |                 | 5               | 6                                  | 7               |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                    | 01    | V1.25       | 151,364,436,154 | 146,491,299,545 | 514,077,911,284                    | 441,221,609,636 |
| 2. Các khoản giảm trừ ( 03=04+05+06+07)                      | 02    |             | 578,910,716     | 105,000         | 1,173,746,721                      | 166,447,025     |
| 3. Doanh thu thuần về b.hàng và cung cấp dịch vụ ( 10=01-02) | 10    |             | 150,785,525,438 | 146,491,194,545 | 512,904,164,563                    | 441,055,162,611 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                          | 11    | V1.27       | 146,749,275,294 | 143,646,389,438 | 505,033,363,218                    | 428,422,145,958 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20=10-11) | 20    |             | 4,036,250,144   | 2,844,805,107   | 7,870,801,345                      | 12,633,016,653  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                             | 21    | V1.26       | 492,838,124     | 664,232,475     | 2,217,046,546                      | 2,915,136,839   |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính                               | 22    | V1.28       | 159,000,000     | 1,059,000,000   | 2,144,284,000                      | 2,694,884,025   |
| - Lãi vay phải trả                                           | 23    |             | 159,000,000     | 1,059,000,000   | 2,144,284,000                      | 2,694,884,025   |
| 8. Chi phí bán hàng                                          | 24    |             | 2,816,468,201   | 1,844,909,112   | 8,214,141,096                      | 10,273,951,653  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                              | 25    |             | 2,431,848,269   | 2,344,427,132   | 8,247,583,465                      | 8,905,989,643   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30=20+(21-22)-(24+25)]  | 30    |             | -878,228,202    | -1,739,298,662  | -8,518,160,670                     | -6,326,671,829  |
| 11. Thu nhập khác                                            | 31    |             | 3,405,412,332   | 6,667,841,323   | 21,363,145,634                     | 21,130,197,618  |
| 12. Chi phí khác                                             | 32    |             | 886,655,861     | 2,894,105,574   | 6,640,791,692                      | 7,015,916,487   |
| 13. Lợi nhuận khác (50=31-32)                                | 40    |             | 2,518,756,471   | 3,773,735,749   | 14,722,353,942                     | 14,114,281,131  |
| 14. Lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50=30+40)                 | 50    |             | 1,640,528,269   | 2,034,437,087   | 6,204,193,272                      | 7,787,609,302   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành             | 51    | V1.30       | 410,132,067     | 508,545,929     | 1,754,517,891                      | 2,172,837,293   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại              | 52    | V1.30       |                 |                 | 0                                  | 0               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp( 60=50-51-52)   | 60    |             | 1,230,396,202   | 1,525,891,158   | 4,449,675,381                      | 5,614,772,009   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                 | 70    |             |                 |                 |                                    |                 |

LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Ngày 19 tháng 10 năm 2012

GIAM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH THỦY

NGUYỄN DUY DIỄN